

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **281/2022/DS-ST**

Ngày 01 - 11 - 2022

V/v Tranh chấp hợp đồng đại lý.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Huỳnh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Việt Thắng.

Ông Duyên Văn Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thêu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 01 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 05/2022/TLST-KDTM ngày 08/8/2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng đại lý*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐXXST-KDTM ngày 22/9/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* CÔNG TY TNHH QUỐC TẾ L (gọi tắt là Công ty).

Địa chỉ trụ sở: Lô số A, khu công nghiệp S, xã S, huyện C, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Chuang Jie C – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Quốc T – Chức vụ: Trưởng khu vực.
(Theo Giấy ủy quyền ngày 13/6/2022 của Người đại diện theo pháp luật của Công ty).

Địa chỉ: Số 74, đường C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Phú H, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Ông Toàn có mặt. Ông H vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 13/6/2022 của nguyên đơn và lời trình bày của người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn có tại hồ sơ và tại phiên tòa, thể hiện:

Giữa Công ty (là bên giao đại lý phân phối) và ông Nguyễn Phú H (là bên đại lý nhận phân phối) có thỏa thuận ký kết hợp đồng phân phối thức ăn thủy sản được thể hiện tại hợp đồng số: HĐPP/LT/CMA-22 ngày 01/5/2020, nội dung hợp đồng thỏa thuận bên phía công ty phân phối các sản phẩm thức ăn tôm nhãn hiệu do bên công ty sản xuất cho bên ông H làm đại lý nhà phân phối, giá sản phẩm được thông báo qua

bảng báo giá của công ty, chỉ tiêu sản lượng tiêu thụ do hai bên thương lượng và được lập trong phụ lục kèm theo hợp đồng, phương thức thanh toán bên phía ông H phải thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản cho công ty trước khi nhận hàng, ngoài ra các bên còn thỏa thuận phía công ty cho bên ông H mua hàng trả chậm vào những tháng cao điểm của vụ nuôi. Quá trình thực hiện hợp đồng bên phía công ty đã cung ứng và phân phối cho bên phía ông H làm đại lý nhiều mặt hàng sản phẩm thức ăn tôm trong một khoảng thời gian dài, nhưng bên phía ông H không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo hợp đồng và đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền sản phẩm thức ăn tôm do công ty phân phối. Đến ngày 07/4/2022 giữa công ty và ông H có lập biên bản đối chiếu xác nhận công nợ với nội dung ông H còn nợ công ty đến ngày 31/3/2022 là 131.185.978 đồng, nhưng đến nay ông H không thanh toán khoản nợ này cho công ty làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của công ty. Ông Nguyễn Phú H nhận làm đại lý cho công ty nhưng không có đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Nay ông Võ Quốc T yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Phú H trả số tiền sản phẩm chưa thanh toán 131.185.978 đồng và phần tiền lãi chậm trả tính kể từ ngày 13/6/2022 cho đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 0,75%/tháng (09%/năm). Về lãi chậm trả yêu cầu xem xét theo quy định của pháp luật.

- **Đối với bị đơn:** Tòa án đã triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và hai lần để xét xử, nhưng đều vắng mặt không rõ lý do nên không ghi nhận được ý kiến; đồng thời cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Từ những nội dung vụ án thể hiện;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét về thủ tục:* Bị đơn Nguyễn Phú H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để xét xử nhưng vắng mặt không rõ lý do, nên căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về quyền khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Giữa công ty và ông Nguyễn Phú H có ký kết hợp đồng phân phối thức ăn thủy sản, phía công ty là bên giao đại lý phân phối các mặt hàng sản phẩm thức ăn tôm cho phía ông H là bên đại lý nhận phân phối, do ông H vi phạm nghĩa vụ thanh toán các sản phẩm đã phân phối, nên công ty thực hiện quyền khởi kiện yêu cầu thanh toán. Việc tranh chấp giữa các bên phát sinh trong hoạt động thương mại, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án không có căn cứ xác định ông Nguyễn Phú H có đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật, nên tranh chấp giữa các bên được xác định là tranh chấp dân sự, bị đơn có nơi cư trú tại huyện T, tỉnh Cà Mau nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết vụ án dân sự về tranh chấp dân sự và quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp hợp đồng đại lý*” là đúng theo

quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 168 Luật thương mại.

[3] *Về pháp luật áp dụng*: Giao dịch giữa các bên cùng xác lập là hoạt động thương mại, nên áp dụng quy định của Luật thương mại hiện hành và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết để giải quyết là phù hợp.

[4] *Xét nội dung tranh chấp và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*:

[4.1] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc thanh toán nghĩa vụ theo hợp đồng*: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ “Hợp đồng phân phối thức ăn thủy sản số HĐPP/LT/CMA-22 ngày 01/5/2020 có nội dung bên bị đơn là bên đại lý nhận phân phối các mặt hàng sản phẩm thức ăn tôm do nguyên đơn cung cấp và phân phối; biên bản đối chiếu xác nhận công nợ ngày 07/4/2022 có nội dung đến ngày 31/3/2022 bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 131.185.978 đồng”. Hội đồng xét xử xét thấy tại các tài liệu, chứng cứ nêu trên do nguyên đơn cung cấp đều có chữ ký và ghi họ tên của bị đơn Nguyễn Phú H. Hợp đồng giữa các bên ký kết được lập thành văn bản, các điều khoản thỏa thuận trong hợp đồng giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp theo quy định của pháp luật. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác cho bị đơn biết việc yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và sau khi mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ thì Tòa án cũng đã thông báo kết quả phiên họp cho bị đơn biết được các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, nhưng bị đơn không có ý kiến phản hồi và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không chứng minh việc đã thanh toán xong một phần hay toàn bộ số tiền sau khi các bên kết nợ. Như vậy, có căn cứ xác định thực tế bị đơn còn nợ nguyên đơn tổng số tiền 131.185.978 đồng chưa thanh toán và bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận, nên cần buộc bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền này là đúng theo quy định tại Điều 168, khoản 4 Điều 172, khoản 4 Điều 175 Luật thương mại.

[4.2] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về lãi chậm trả*: Hội đồng xét xử xét thấy thực tế đã chứng minh được bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán và chậm thanh toán khoản nợ sau khi các bên đã xác nhận với nhau, thời gian kết nợ đối với số tiền 131.185.978 đồng, thời gian chậm trả các bên thỏa thuận là 75 ngày, nên khoản thời gian tính lãi chậm trả được xác định là ngày 13/6/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 01/11/2022. Giữa các bên không có thỏa thuận lãi suất chậm trả trong hợp đồng, đối chiếu quy định tại Điều 306 Luật thương mại thì “*bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả*”, lãi suất nguyên đơn yêu cầu 09%/năm không vượt quá mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của ba Ngân hàng thương mại theo quy định tại Điều 11 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên chấp nhận. Như vậy, lãi suất được tính số tiền chậm thanh toán 131.185.978 đồng X lãi suất 09%/năm X 04 tháng 18 ngày = 4.517.822 đồng. Cần buộc bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền lãi này là đúng.

Từ những lập luận, phân tích, đánh giá chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy có đầy đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cần buộc bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền là 135.703.800 đồng (Trong đó: Tiền gốc 131.185.978 đồng, tiền lãi 4.517.822 đồng).

[5] *Về án phí*: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch là 5% trên tổng số tiền theo yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí, số tiền tạm ứng án phí của nguyên đơn đã dự nộp trước được hoàn lại toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 186, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 168, Điều 172, Điều 175, Điều 306 Luật thương mại; Điều 11 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất phạt vi phạm; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

1. Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn CÔNG TY TNHH QUỐC TẾ L.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Phú H có trách nhiệm trả cho nguyên đơn CÔNG TY TNHH QUỐC TẾ L là 135.703.800 đồng (Trong đó: Tiền gốc 131.185.978 đồng, tiền lãi 4.517.822 đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ trả khoản tiền nói trên, thì hàng tháng bị đơn còn phải chịu lãi suất theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của ít nhất 03 (ba) ngân hàng thương mại có trụ sở, chi nhánh hoặc phòng giao dịch tại tỉnh Cà Mau tại thời điểm thanh toán (thời điểm xét xử sơ thẩm) đối với khoản tiền nói trên tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Án phí sơ thẩm dân sự có giá ngạch:

Buộc bị đơn ông Nguyễn Phú H phải nộp là 6.785.190 đồng (Chưa nộp).

Nguyên đơn CÔNG TY TNHH QUỐC TẾ L đã dự nộp tiền tạm ứng án phí trước với số tiền là 3.280.000 đồng theo biên lai thu số: 0005268 ngày 08/8/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được hoàn lại toàn bộ.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi

hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau (gửi mail);
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Đường sự, NTGTT khác;
- Lưu HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(ĐÃ KÝ)**

Trương Huỳnh Hải